**Thông tin chi tiết về nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia: “Đổi mới cơ chế giám sát việc thực thi công vụ của cơ quan hành chính nhà nước” Mã số: KX 01.33/16-20**

**I. Thông tin chung:**

1.1. Tên đề tài: **“Đổi mới cơ chế giám sát việc thực thi công vụ của cơ quan hành chính nhà nước”**

1.2. Mã số: KX 01.33/16-20

1.3. Kinh phí thực hiện: 3.170 triệu đồng (Ba tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng)

Trong đó, kinh phí từ ngân sách: 3.170 triệu đồng (Ba tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng)

Kinh phí từ nguồn khác: 0 đồng.

1.4 Thời gian thực hiện: 30 tháng, từ tháng 6/2018 đến tháng 11/2020

1.5 Tổ chức chủ trì: Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra, Thanh tra Chính phủ

1.6. Chủ nhiệm đề tài: TS. Đinh Văn Minh

1.7. Các thành viên chính tham gia thực hiện đề tài:

| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh khoa học** | **Tổ chức công tác hiện nay** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. | TS. Đinh Văn Minh | Tiến sĩ | Vụ Pháp chế, Thanh tra Chính phủ |
| 2. | TS. Trần Văn Long | Tiến sĩ | Vụ Pháp chế, Thanh tra Chính phủ |
| 3. | TS. Nguyễn Tuấn Khanh | Tiến sĩ | Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra, Thanh tra Chính phủ |
| 4. | TS. Nguyễn Đình Quyền | Tiến sĩ | Viện Nghiên cứu Lập pháp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội |
| 5. | TS. Trần Văn Ngợi | Tiến sĩ | Viện Khoa học tổ chức, Bộ Nội vụ |
| 6. | TS. Nguyễn Văn Cương | Tiến sĩ | Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư Pháp |
| 7. | TS. Nguyễn Hoàng Thanh | Tiến sĩ | Viện Nghiên cứu lập pháp,Ủy ban Thường vụ Quốc hội |
| 8. | ThS. Hoàng Nam Hải | Tiến sĩ | Vụ Tư pháp, Văn phòng Quốc hội |
| 9. | TS. Trần Nghị | Tiến sĩ | Tạp chí tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ |
| 10 | TS. Tạ Thu Thủy | Tiến sĩ | Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra, Thanh tra Chính phủ |
| 11 | ThS. Lê Văn Đức | Thạc sỹ | Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra, Thanh tra Chính phủ |
| 12 | TS. Nguyễn Thị Thu Nga | Tiến sỹ | Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra, Thanh tra Chính phủ |

**II. Thời gian, địa điểm dự kiến tổ chức đánh giá, nghiệm thu:**

2.1Thời gian dự kiến: Tháng 01 năm 2021.

2.2 Địa điểm: tại Bộ Khoa học và Công nghệ.

**III. Nội dung báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

3.1. Sản phẩm đã hoàn thành đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng của Hợp đồng nghiên cứu khoa học đã ký kết, gồm:

* 01 báo cáo tổng hợp;
* 01 báo cáo tóm tắt;
* 01 báo cáo kiến nghị;
* 03 bài viết đăng trên tạp chí khoa học trong nước;
* 01 dự thảo sách chuyên khảo;

3.2. Sản phẩm khoa học đã và sẽ chuyển giao:

- Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm**  | **Thời gian dự kiến ứng dụng** | **Cơ quan dự kiến ứng dụng** |
| 1 | Báo cáo tổng hợp | 2021 | 1. Các cơ quan hoạch định và thực thi chính sách của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và cơ quan, tổ chức khác:- Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, các Ban của Đảng.- Quốc hội.- Chính phủ và các cơ quan hành chính nhà nước - Thanh tra Chính phủ- Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan:+ Tòa hành chính+ Kiểm toán nhà nước+ Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên+ Các chủ thể xã hội khác2. Các cơ quan giảng dạy, nghiên cứu:- Trường Cán bộ Thanh tra- Viện Khoa học Tổ chức nhà nước- Viện Nghiên cứu khoa học hành chính, Học viện Hành chính Quốc gia… |
| 2 | Báo cáo tóm tắt | 2021 |
| 3 | Báo cáo kiến nghị | 2021 |
| 4 | Sách chuyên khảo | 2021 |

- Danh mục sản phẩm khoa học đã được chuyển giao:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Tác giả** | **Tên cơ quan ứng dụng** |
| ***I*** | ***Sản phẩm đã công bố, xuất bản*** |
| 1 | Tăng cường công tác thanh tra gắn với yêu cầu kiểm soát quyền lực trong thực thi công vụ của cơ quan hành chính nhà nước | TS. Đinh Văn Minh | Tạp chí Nội chính(ISSN 0866 – 7934); số tháng 11/2019, trang 16-21 |
| 2 | Hoàn thiện cơ chế giám sát việc thực thi công vụ của các cơ quan hành chính nhà nước | TS. Tạ Thu Thủy | Tạp chí Thanh tra (ISSN 2354-1121); số tháng 11/2019, trang 9-13 |
| 3 | Khái quát cơ chế kiểm soát việc thực thi công vụ của các cơ quan hành chính nhà nước | TS. Trần Văn Long | Tạp chí Thanh tra (ISSN 2354-1121); số tháng 08/2020, trang 48-51 |
| ***II*** | ***Văn bản xác nhận xuất bản*** |
| 1 | Văn bản 520/NXBTP-KHSX ngày 15/12/2020 của Nhà xuất bản Tư pháp về việc đồng ý tiếp nhận và xem xét đưa vào quy trình xuất bản đối với sách chuyên khảo “Đổi mới cơ chế giám sát việc thực thi công vụ của cơ quan hành chính nhà nước” (KX.01.33/16-20) | TS. Đinh Văn Minh | Nhà xuất bản Tư pháp, Bộ Tư pháp |
| ***III*** | ***Văn bản xác nhận về đào tạo*** |
|  | Quyết định giao đề tài, người hướng dẫn khoa học và Quyết định công nhận học vị tiến sỹ đối với 01 nghiên cứu sinh và học vị thạc sĩ đối với 4 học viên cao học: |  |  |
| 1 | Quyết định 2950/QĐ-ĐHLHN ngày 21/12/2015 về việc công nhận nghiên cứu sinh, phê duyệt đề tài luận án và cử người hướng dẫn khoa học đề tài “Nguyên tắc công khai trong hoạt động thanh tra” | TS. Đinh Văn Minh | Đại học Luật Hà Nội |
| 2 | Quyết định 4147/QĐ-HCQG ngày 29/10/2018 về việc giao đề tài và cử người hướng dẫn luận văn “Quyền con người trong xét xử sơ thẩm vụ án hành chính – Từ thực tiễn Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk” (chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, mã số 8 38 01 02) | TS. Đinh Văn Minh | Học viện Hành chính Quốc gia |
| 3 | Quyết định 1412/QĐ-KL ngày 25/10/2018 về việc công nhận người hướng dẫn khoa học và đề tài luận văn “Giáo dục phòng, chống tham nhũng trên thế giới và ở Việt Nam” (chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, mã số 8 38 01 01 02) | TS. Đinh Văn Minh | Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 4 | Quyết định 4247/QĐ-HCQG ngày 01/11/2019 về việc giao đề tài và cử người hướng dẫn luận văn “Pháp luật về tổ chức và hoạt động thanh tra – từ thực tiễn huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn” (chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, mã số 8 38 01 02) | TS. Đinh Văn Minh | Học viện Hành chính Quốc gia |
| 5 | Quyết định 1283/QĐ-KL ngày 27/9/2019 về việc công nhận người hướng dẫn khoa học và đề tài luận văn “Phòng, chống tham nhũng trong ngành ngân hàng ở Việt Nam hiện nay” (chuyên ngành Quản trị nhà nước và phòng chống tham nhũng, mã số 8 38 01 01 09) | TS. Đinh Văn Minh | Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội |

*3.3 Về những đóng góp mới của nhiệm vụ*

- Làm rõ cơ sở lý luận về giám sát và đổi mới cơ chế giám sát việc thực thi công vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Trong đó, luận giải và đưa ra được quan niệm về đổi mới cơ chế giám sát việc thực thi công vụ của cơ quan hành chính nhà nước; chỉ ra đặc điểm, vai trò, ý nghĩa, các yêu cầu và nguyên tắc của việc đổi mới cơ chế giám sát hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước; luận giải các yếu tố đảm bảo đối với việc giám sát và đổi mới cơ chế giám sát việc thực thi công vụ của các cơ quan hành chính nhà nước. Đây là mảng lý luận còn ít ỏi trong nghiên cứu đổi mới cơ chế giám sát việc thực thi công vụ của cơ quan hành chính nhà nước ở nước ta. Việc phát triển và ứng dụng lý luận góp phần cập nhật phương pháp luận nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn nói chung, nghiên cứu về đổi mới cơ chế giám sát việc thực thi công vụ của cơ quan hành chính nhà nước nói riêng.

- Làm rõ kinh nghiệm về giám sát và đổi mới cơ chế giám sát việc thực thi công vụ của một số nước trên thế giới; trong đó luận giải một số quan điểm, phương pháp tiếp cận về cơ chế giám sát thực thi công vụ trên thế giới; từ đó đưa ra khuyến nghị đối với Việt Nam trong việc nghiên cứu, áp dụng kinh nghiệm của các nước nhằm đổi mới cơ chế giám sát việc thực thi công vụ của cơ quan hành chính. Nghiên cứu này làm phong phú hơn lý luận từ góc nhìn bối cảnh quốc tế.

- Đánh giá được những thành công và hạn chế về thực trạng cơ chế giám sát việc thực thi công vụ của cơ quan hành chính nhà nước hiện nay trên cơ sở phân tích, bình luận sự tham gia giám sát việc thực thi công vụ của các chủ thể bên trong bản thân nội bộ cơ quan hành chính nhà nước và các chủ thể bên ngoài (Đảng, Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Tòa án nhân dân, Kiểm toán nhà nước, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội, các chủ thể xã hội khác) trên các trục nội dung đã tiếp cận ở phần lý luận ở cả hai bình diện quy định chính trị - pháp lý và tổ chức thực hiện; xác định được những nguyên nhân của hạn chế làm cơ sở cho việc tìm kiếm các giải pháp khắc phục.

- Đề xuất được những quan điểm, giải pháp đột phá, khả thi nhằm đổi mới cơ chế giám sát việc thực thi công vụ của các cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam trong thời gian tới.

**3.4 Về hiệu quả của nhiệm vụ:**

*3.4.1. Hiệu quả kinh tế*

- Đề tài cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng cho hoạch định chiến lược hội nhập kinh tế nói chung, cho chính sách hội nhập kinh tế khu vực nói riêng của nước ta một cách lâu dài và căn bản.

- Đề tài chỉ ra những nền tảng căn bản để chúng ta có thể thực hiện chính sách hội nhập kinh tế một cách hiệu quả hơn, phù hợp hơn với thực trạng khu vực và tiềm năng của đất nước.

- Đề tài cũng chỉ ra những vấn đề và nguy cơ để chúng ta có thể hạn chế được những mặt trái của hội nhập kinh tế khu vực như rơi vào tình trạng khó phát triển, phụ thuộc nhiều và bất tương xứng quá mức với bên ngoài, tình trạng bẫy thu nhập trung bình thấp, tham gia chuỗi cung ứng quốc tế nhưng ở những phân đoạn tỉ suất lợi nhuận thấp,...

*3.4.2. Hiệu quả xã hội*

- Về chủ trương chính sách, đề tài cung cấp thêm một hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng cho các chủ trương và chính sách đối ngoại của Việt Nam, đặc biệt trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương. Hệ thống lý luận và thực tiễn dựa trên phân tích hệ thống-cấu trúc này là thiết yếu khi giúp nhận diện tình hình, phân tích tác động, đánh giá xu hướng của khu vực và dự báo để xây dựng chiến lược trung và dài hạn cho chính sách đối ngoại của Việt Nam.

- Bên cạnh đó, đề tài còn chỉ ra những cơ hội và thách thức, thuận lợi và khó khăn cho Việt Nam trong QHQT khu vực hiện nay và sắp tới. Điều này giúp Việt Nam phát huy được những lợi thế và hạn chế được những điểm không có lợi trong quan hệ với các nước trong khu vực trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

- Đề tài cung cấp cơ sở lý luận cho phân tích hệ thống-cấu trúc có thể áp dụng tốt cho nhiều lĩnh vực khác nhau trong nhận biết thực trạng, điểm phù hợp hay chưa phù hợp của chủ thể cũng như thực tiễn,... Đồng thời, hệ thống lý luận về cấu trúc cũng có thể được sử dụng trong hoạch định chính sách đối nội và hợp tác quốc tế cho nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

- Cơ sở lý luận và thực tiễn này không chỉ là nền tảng để xây dựng chiến lược quan hệ trong từng ngành cụ thể mà còn là căn cứ quan trọng để đề ra các giải pháp cụ thể, trong những tình huống cụ thể, với những đối tác cụ thể trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương. Không những thế, đề tài còn cung cấp cơ sở để phối hợp các lĩnh vực này với nhau trong QHQT khu vực. Từ đó, đề tài sẽ giúp phát triển nhiều hơn ngoại giao toàn diện kết hợp với phương châm đa phương hóa, đa dạng hóa.

- Về nhận thức xã hội, đề tài đóng góp theo hai hướng chính. Thứ nhất, đề tài đem lại cơ sở phương pháp luận mới cũng như những hướng nghiên cứu mới dựa trên phân tích hệ thống-cấu trúc. Đây là những nhận thức và hướng nghiên cứu còn chưa phát triển ở nước ta. Những đóng góp này là có giá trị đối với cả những nhà nghiên cứu và các nhà hoạch định chính sách để áp dụng cả trên cấp độ vĩ mô và vi mô. Thứ hai, đề tài giúp nâng cao hiểu biết về khu vực Châu Á-Thái Bình Dương – khu vực quan trọng bậc nhất đối với nước ta – theo một cách tiếp cận mới. Cách tiếp cận này sẽ giúp hiểu biết về khu vực toàn diện hơn với nhiều chiều cạnh của nó. Trong cả hai hướng này, đề tài còn có những bổ sung, điều chỉnh và phát triển thêm về nội dung của cách tiếp cận hệ thống-cấu trúc cũng như ứng dụng nó trong trường hợp nghiên cứu Châu Á-Thái Bình Dương.

- Đề tài góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ giảng viên, chuyên gia, cán bộ tham gia đề tài, đặc biệt về phương pháp luận, cách tiếp cận về phương pháp hệ thống-cấu trúc, cách tiếp cận liên ngành và đa ngành, kỹ năng phân tích cũng như kiến thức về khu vực Châu Á-Thái Bình Dương.

- Đề tài sẽ góp phần nâng cao năng lực tổ chức, tham mưu của cơ quan chủ trì; nâng cao năng lực tổ chức và phối hợp nghiên cứu; tăng cường khả năng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu.

**IV. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ**

1. Về tiến độ thực hiện: *(đánh dấu* ***√***  *vào ô tương ứng*):

|  |  |
| --- | --- |
| *- Nộp hồ sơ đúng hạn* | ⌧ |
| *- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng* | [ ]  |
| *- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng* | [ ]  |

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

 *- Xuất sắc* [ ]

 *- Đạt*  ⌧

 *- Không đạt* [ ]